

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP QUẢN LÝ CÔNG TÁC KHẢO THÍ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO CỦA HUFİ GIAI ĐOẠN 2015 – 2017

Lê Ngọc, Dương Hoàng Kiệt

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Về khía cạnh chất lượng giáo dục đại học, đối với Việt Nam, có thể nói đã trải qua ba cột mốc quan trọng: từ không quan tâm mà chỉ chú trọng tuyển chọn đầu vào những đối tượng ưu tú đến khi đặt bài toán chất lượng thì đòi hỏi nguồn lực phải được đáp ứng đầy đủ và hiện nay chất lượng giáo dục đại học được xem xét phải đáp ứng một số tiêu chuẩn [1]. Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về “đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo”, một trong những vấn đề được xã hội đặc biệt quan tâm là tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các Trường đại học và cao đẳng nhằm tạo nên sự đột phá thực sự về chất lượng [2]. Quyết định số 901/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ có thể nói là một cơ hội đặc biệt cho HUFİ xem xét thực chất toàn diện thực trạng hoạt động của mình để tìm kiếm và xây dựng mô hình hoạt động tự chủ, tự chịu trách nhiệm phù hợp, đồng thời qua giai đoạn thí điểm 2015 - 2017, HUFİ sẽ đóng góp một phần thực tiễn sinh động có ý nghĩa để hình thành chính sách toàn diện về cơ chế hoạt động này của các Trường đại học tại Việt Nam [3].

Trong bối cảnh đó, công tác khảo thí (KT) và đảm bảo chất lượng (ĐBCL) của HUFİ vốn đã được quan tâm từ những năm 2004 và 2005, từ Tổ KT&ĐBCL, qua quá trình hoạt động, đến nay trở thành Phòng KT&ĐBCL, đã có nhiều đóng góp vào chất lượng giáo dục tại HUFİ nhưng cũng còn nhiều bất cập trong tình hình mới. Đối với công tác KT thành công tại HUFİ có thể khẳng định đó là tách hoạt động giảng dạy độc lập với hoạt động đánh giá khả năng học tập kiến thức của sinh viên. Tuy nhiên trong các khâu thực hiện từ xây dựng ngân hàng (NH) đề thi, lựa chọn đề thi, sao in đóng gói và niêm phong đề thi, tổ chức thi, chấm thi, đánh giá chất lượng đề thi khi bàn về thực trạng chất lượng ra sao thì nhiều vấn đề có thể được đặt ra như: chuẩn mực đánh giá, phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá, quy trình thực hiện, cải tiến ngân hàng đề thi, tính bảo mật,... Đối với công tác ĐBCL, việc tăng tính tự chủ đồng nghĩa với việc HUFİ có cần nhiều công cụ để thực hiện quản lý chất lượng (QLCL) không? Cần thiết xây dựng mô hình ĐBCL để thể hiện tinh thần tự trách nhiệm không? Vai trò của hệ thống thông tin quản lý và kiểm định chất lượng (KĐCL)? ... Tất cả các vấn đề được đặt ra đều được nêu rõ trong thực trạng của báo cáo này, đồng thời những người chịu trách nhiệm về quản lý nhiệm vụ này cũng đề xuất một số giải pháp cần thảo luận nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của HUFİ trong giai đoạn 2015 - 2017.

2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ CÔNG TÁC KT&ĐBCL

2.1. Công tác KT

Bộ phận KT, Phòng KT&ĐBCL được sự phân công của Hiệu trưởng nhà trường, trong những năm học gần đây, đã thực hiện tốt công tác KT trong toàn trường.

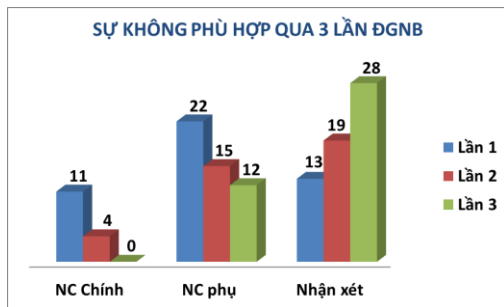
Đầu tiên, đó là việc nghiên cứu, soạn thảo các văn bản quy định về công tác KT theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, đề xuất và tổ chức các hình thức thi phù hợp với yêu cầu của các ngành, các hệ, các trình độ đào tạo; phối hợp với các khoa, các bộ môn xây dựng, quản lý, sử dụng và lưu trữ NH câu hỏi thi, quỹ đề thi giữa học kì, cuối kì toàn trường; tổ chức nhập NH đề thi, lựa chọn theo giấy đề nghị soạn đề thi của giảng viên phụ trách một cách ngẫu nhiên, an toàn và chính xác, in sao và đóng gói đề thi theo kế hoạch thi giữa học kì, cuối học kỳ hàng năm; bảo đảm tính bảo mật của đề thi. Đến nay, tỉ lệ NH trắc nghiệm chiếm khoảng 35% trong tổng số học phần, còn lại phần lớn là NH câu hỏi tự luận và một tỉ lệ rất thấp là hình thức thi vấn đáp.

Tiếp theo, tổ chức các kì thi giữa học kì, cuối học kì, điều động cán bộ coi thi, tổ chức và giám sát kỳ thi, thống kê số ca coi thi của giảng viên; bàn giao đề thi, bài thi cho các khoa, bộ môn chấm thi bài thi tự luận; tổ chức, quản lý công tác chấm thi các môn thi trắc nghiệm khách quan tại phòng; tổ chức bàn giao điểm thi môn trắc nghiệm khách quan gồm file, bản in giấy về phòng Đào tạo để nhập điểm và lưu trữ.

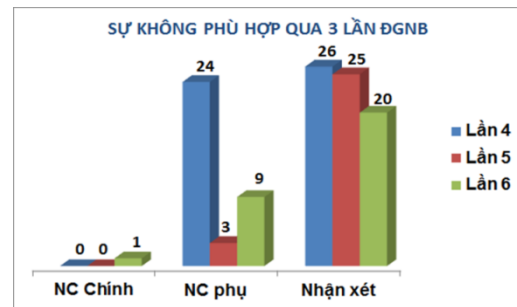
Cuối cùng, tổ chức nhận đơn đề nghị phúc khảo của sinh viên; chấm phúc khảo bài thi trắc nghiệm khách quan; tìm bài thi tự luận và chuyển các bài thi này đến các khoa để chấm phúc khảo.

2.2. Quản lý công tác ĐBCL

Bộ phận ĐBCL, Phòng KT&ĐBCL được sự phân công của Hiệu trưởng nhà trường, trong hơn mười năm qua, đã thực hiện đầy đủ và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Một trong những nhiệm vụ xuyên suốt và trọng tâm, đó là xây dựng, vận hành, duy trì và cải tiến liên tục Hệ thống QLCL của Trường theo tiêu chuẩn ISO 9001. ISO 9001:2000 là công cụ giúp nhà trường quản lý theo quá trình, mọi quy trình đều được công khai trong thực hiện và minh bạch trong đánh giá, giai đoạn đầu triển khai thực hiện HUFİ đảm bảo tuân thủ tám nguyên tắc của hệ thống mặc dù hệ thống rất cồng kềnh và còn hình thức. Tuy nhiên, sau khi chuyển đổi và mở rộng phạm vi của hệ thống QLCL trong toàn trường sang tiêu chuẩn ISO 9001:2008, việc vận hành đã chuyên môn hóa và cùng với việc vận hành hệ thống công nghệ thông tin, vai trò của ISO 9001 có phần giảm sút và dẫn đến khả năng “thiếu linh hoạt” cũng như ít người tham gia và phần nhiều còn lại có thể vượt qua kỳ đánh giá nội bộ một cách “dễ dàng”. Chính vì vậy mong muốn xây dựng “văn hóa tổ chức của HUFİ” đã không được hình thành thông qua tiêu chuẩn ISO 9001. Điều này thể hiện rõ qua kết quả 6 lần đánh giá nội bộ (ĐGNB): 3 lần ĐGNB đầu tiên thực hiện đánh giá chéo khoa và phòng ban (hình 1) và 3 lần ĐGNB gần đây nhất thực hiện đánh giá theo tổ chuyên gia (hình 2). Những NC chính được ghi nhận đều liên quan đến lỗi hệ thống.



Hình 1. Kết quả ĐGNB 3 lần đầu

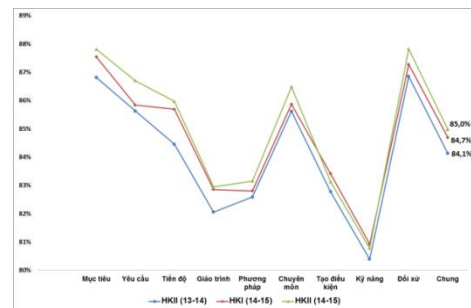


Hình 2. Kết quả ĐGNB 3 lần gần đây

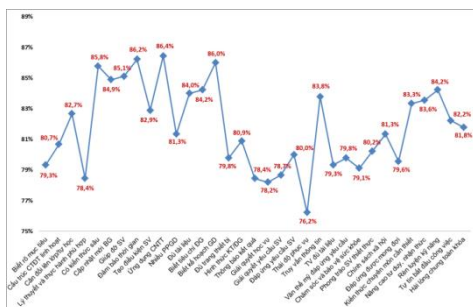
Một nhiệm vụ khác, ít thường xuyên hơn, đó là KĐCL giáo dục cơ sở đào tạo. Ban đầu là KĐCL giáo dục trường cao đẳng với đội ngũ chuyên gia là tư vấn trực tiếp đến từ Viện KĐCL giáo dục, hiện nay là KĐCL giáo dục trường đại học do Bộ phận ĐBCL trực tiếp triển khai. Sau một khóa sinh viên đại học chính quy đầu tiên tốt nghiệp một năm, HUFVI cũng đã hoàn thành Báo cáo tự đánh giá, đăng ký với Trung tâm KĐCL giáo dục - Đại học Quốc gia Tp.HCM thẩm định và nếu đủ điều kiện tiến hành đánh giá ngoài. Kết quả tự đánh giá giai đoạn 2010 - 2015 cho thấy, hoạt động của HUFVI đáp ứng được 95,08% tiêu chuẩn KĐCL giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành [4].

Đối với công tác khảo sát khách hàng (sinh viên, giảng viên - người lao động, cựu sinh viên và nhà sử dụng lao động), Bộ phận ĐBCL có triển khai, tuy nhiên việc triển khai không liên tục, chưa xây dựng được bộ công cụ khảo sát cũng như chưa có báo cáo phân tích chất lượng cụ thể từng tiêu chí đối với từng đối tượng sử dụng kết quả.

- Từ năm 2013 đến nay, việc khảo sát người học mới được duy trì định kỳ học kỳ/lần và có báo cáo kết quả theo từng tiêu chí (hình 3). Nhìn chung mục tiêu về sự hài lòng môn học Trường đặt ra 80% là đạt (thực tế trung bình 84,6%). Tuy nhiên, trong chín tiêu chí khảo sát, người học đòi hỏi giảng viên giảng dạy các môn học phải cung cấp nhiều kỹ năng hơn nữa (hài lòng 80,7%), phải cung cấp nhiều trình và giáo trình phải phù hợp với đề cương (hài lòng 82,6%), phải đa dạng hóa phương pháp truyền đạt (hài lòng 82,9%) và phải tạo điều kiện tốt cho người học (hài lòng 83,1%).



Hình 3. Kết quả khảo sát người học về hài lòng môn học qua 3 học kỳ



- Kết quả khảo sát sinh viên toàn khóa học triển khai khi sinh viên đại học khóa 1 sắp tốt nghiệp (hình 4). Trong 32 tiêu chí khảo sát, nhóm công việc học vụ và thái độ phục vụ của HUFVI, sinh viên vẫn đánh giá thấp nhất (78,2% và 76,2%).

Hình 4. Kết quả khảo sát sinh viên đại học khóa 1 về toàn khóa học

–Khảo sát tình hình sinh viên tốt nghiệp sau một năm, kết quả tỷ lệ sinh viên có việc làm (theo mẫu khảo sát - có kiểm tra trong danh sách tốt nghiệp) là 63,1% trong đó việc làm phù hợp với chuyên môn là 51,2%. 81,8% tìm được việc làm trong 3 tháng đầu tiên sau tốt nghiệp và thu nhập bình quân sau 1 năm tốt nghiệp đạt 5,1 triệu/tháng.

3. THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG QUẢN LÝ CÔNG TÁC KT&ĐBCL KHI THỰC HIỆN THÍ ĐIỂM ĐỔI MỚI CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG THEO HƯỚNG TỰ CHỦ TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM

3.1. Công tác KT

3.1.1. Thuận lợi

Về đội ngũ: Đội ngũ cán bộ, chuyên viên đủ về trình độ, chất lượng cũng như số lượng để thực hiện nhiệm vụ về KT do Hiệu trưởng phân công. Cán bộ, chuyên viên trong phòng luôn có tinh thần học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, làm quen và nắm vững phần mềm, bản nâng cấp phần mềm... Cán bộ, chuyên viên trong phòng luôn đoàn kết, phối hợp tốt công việc trong phòng cũng như với các đơn vị liên quan, sẵn sàng hỗ trợ, giúp đỡ nhau khi cần thiết. Mỗi người đều luôn chủ động trước kế hoạch chung của trường, của phòng, biết xây dựng và thực hiện kế hoạch cá nhân.

Về cơ sở vật chất, kỹ thuật: Công tác KT luôn nhận được sự quan tâm của lãnh đạo nhà trường và các đơn vị liên quan: Chuẩn bị máy tính cá nhân đầy đủ, phần mềm chấm thi, phần mềm ngân hàng đề thi, các thiết bị công nghệ thông tin khác phục vụ cho công tác tổ chức thi và chấm thi như USB, ổ cứng, CD ... Bảo trì và cập nhật phần mềm kịp thời; cung cấp đầy đủ văn phòng phẩm, các trang thiết bị, vật tư phục vụ công tác in sao, đóng gói, niêm phong và bảo quản và bảo đảm tính bảo mật đề thi; có các quy chế, quy định để thực hiện nghiêm túc các kì thi, tổ chức thi, chấm thi và thanh toán khối lượng coi thi.

Ngoài ra, phòng có địa điểm làm việc phù hợp với công việc; các khoa, trung tâm, các phòng chức năng có liên quan với phòng KT&ĐBCL đều có sự phối hợp tốt trong công tác chuẩn bị, công tác tổ chức thi, công tác chấm thi. Giảng viên các khoa, trung tâm chấp hành nghiêm túc nội quy nhà trường, quy chế, quy định thi và kiểm tra tại trường.

3.1.2. Khó khăn

Việc phân công nhiệm vụ cho mỗi cá nhân trong phòng phụ thuộc vào tính chất công việc, có thuận lợi nhưng cũng có khó khăn. Do mỗi cá nhân trong phân công công việc có phụ trách một mảng việc riêng biệt, nên khi nhân viên này nghỉ thì việc phân công nhân viên khác thay thế gặp một số khó khăn về lưu trữ, mật khẩu ...

Việc thay đổi lựa chọn phần mềm NH đề thi kéo theo việc thay đổi phần mềm chấm thi trắc nghiệm khách quan, vì thế cần có tập huấn cho giảng viên để soạn theo đúng mẫu và nhập NH đề thi, tập huấn nhân viên sử dụng phần mềm NH đề thi.

Diện tích phòng làm việc nhỏ, trang thiết bị chưa đầy đủ phục vụ cho việc lưu trữ bài thi theo thời gian qui định.

3.2. Quản lý công tác ĐBCL

3.2.1. Thuận lợi

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động KĐCL cơ bản đáp ứng được thực tiễn hoạt động giáo dục đại học theo điều kiện tại Việt Nam. Đặc biệt, đối với các văn bản quy định và hướng dẫn về KĐCL giáo dục cơ sở đào tạo đã dần được đơn giản hóa và dễ áp dụng cho các trường được nâng cấp như HUFU.

Hoạt động ĐBCL khu vực phía Nam, tiên phong và nòng cốt là Đại học Quốc gia Tp.HCM, mấy năm gần đây được đẩy mạnh, mở rộng, nội dung đi vào chiều sâu, thực chất và thiết thực với đa số trường đại học và cao đẳng xung quanh. HUFU luôn tích cực tham gia các hoạt động này để cùng học hỏi kinh nghiệm và trao đổi, tìm kiếm giải pháp giải quyết khó khăn của chính mình.

Chủ trương, kế hoạch dài hạn của HUFU cũng đã chú trọng tới công tác ĐBCL, nổi bật là tham gia KĐCL giáo dục trường đại học theo tiêu chuẩn Việt Nam và KĐCL chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn quốc tế. Là hội viên tích cực của Hội Chất lượng Tp.HCM, HUFU đã tham gia đầy đủ các Hội nghị Chất lượng Châu Á và đóng góp với 15 báo cáo, trong đó có 5 báo cáo của sinh viên; 3 báo cáo xuất sắc và 1 giải thưởng ARE-QP. HUFU đã ban hành Quy định về công tác ĐBCL, kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo đạt chuẩn AUN-QA giai đoạn 2015 - 2018, Quy định và kế hoạch về khảo sát hài lòng khách hàng, ...

HUFU đã đầu tư cơ sở vật chất đầy đủ để Bộ phận ĐBCL triển khai thực hiện các hoạt động hiệu quả. Về chất lượng đội ngũ, những người chuyên trách bộ phận này có hơn 10 năm kinh nghiệm trong hoạt động đánh giá hệ thống QLCL ISO 9001, nhiệt tình và am hiểu về phân tích dữ liệu thống kê.

Nền tảng KĐCL tại HUFU đó là hệ thống QLCL ISO 9001 đã được xây dựng từ năm 2005. Có thể nói, hoạt động ISO 9001 đã đáp ứng được 80% các tiêu chí trong 10 tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở đào tạo theo tiêu chuẩn Việt Nam.

3.2.2. Khó khăn

HUFU chưa xây dựng được mô hình ĐBCL bên trong để hoạt động đồng bộ và bền vững (tự vận hành). Công tác này hiện nay, mặc định là giao khoán cho Bộ phận ĐBCL của Phòng KT&ĐBCL. Điều này gây không ít khó khăn khi các vấn đề cũng như các “tình huống có vấn đề” xuất phát từ đơn vị quản lý đều được vận hành ngược lên Ban Giám hiệu hoặc cho rằng ISO chưa đáp ứng được yêu cầu của khách hàng nội bộ. Về góc độ chất lượng, cải tiến chất lượng là hoạt động thường xuyên đến từ bên trong của từng đơn vị, do trường đơn vị hoạch định và ĐBCL phải là nhu cầu cấp thiết với mục đích cải tiến liên tục để đáp ứng với yêu cầu đến từ bên ngoài.

Việc mở rộng hệ thống QLCL ISO 9001 toàn trường có thể góp phần chưa xác định đúng yêu cầu của khách hàng nội bộ, bởi khi đó chúng ta xem khách hàng là một phần của hệ thống, vì vậy các yêu cầu về chất lượng đến từ ý kiến của bộ phận này chưa được xem là cơ hội cải tiến hệ thống quản lý. Mặt khác, mục tiêu chất lượng của HUFU đơn thuần dựa trên thực tiễn số liệu thô của quá khứ và ý chí của cấp quản lý mà chưa được hoạch định cụ thể trong kế hoạch chiến lược phát triển chất lượng.

Bộ phận ĐBCL vừa bao gồm những người không chuyên về lĩnh vực chất lượng, vừa mỏng về số lượng so với khối lượng công việc và khối lượng dữ liệu cần xử lý, phân tích được giao. Vì vậy, các báo cáo về chất lượng định kỳ chưa thật sự ấn tượng, chưa thể gây tác động nhằm cải tiến hệ thống. Với áp lực về thời gian, với việc vận hành cùng lúc song song hai hệ thống trong trường, cũng đã phần nào còn chông lán khi đưa ra vấn đề và giải pháp thực hiện, đặc biệt là thông tin đầu vào chưa thể xây dựng được các chỉ số chất lượng đối với vi mô vốn tăng rất nhanh và các quy định, quy chế liên tục cập nhật trong thời gian qua của HUFI.

Cuối cùng, khó khăn có thể đến từ thiếu tập huấn và đào tạo con người tham gia thực hiện trong kiểm soát và phát triển chất lượng. Yếu tố “phối hợp”, “hỗ trợ” chưa đặt đúng vị trí do sự khác biệt về chuyên môn cũng như còn quan điểm cá nhân về thực hiện các quy định, quy chế. Nói cách khác, văn hóa tổ chức tại HUFI chưa thật sự trở thành động lực góp phần nâng cao sự hài lòng của các bên liên quan. Các giá trị cốt lõi (core values) trong văn hóa tổ chức giáo dục đại học chưa được định hình làm giá trị chung kết nối mọi người.

4. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CẦN THỰC HIỆN ĐỂ QUẢN LÝ CÔNG TÁC KT&ĐBCL GIAI ĐOẠN 2015 - 2017

4.1. Công tác KT

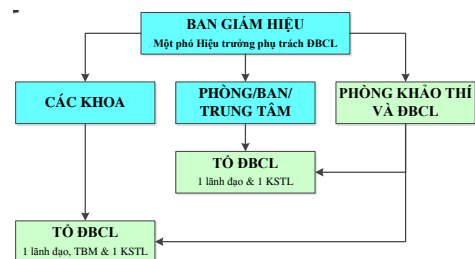
Soạn thảo và ban hành lại Quy chế thi và kiểm tra đánh giá để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ mới của các đơn vị do Hiệu trưởng phân công. Thống nhất phần mềm sử dụng để phục vụ công tác NH đề thi, chấm thi trắc nghiệm khách quan. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, máy móc ... có đủ để thực hiện nhiệm vụ. Cử cán bộ, nhân viên tập huấn các lớp về công tác KT.

Mỗi khoa đăng ký đánh giá NH câu hỏi trên dữ liệu thực nghiệm thật (ví dụ 10% số môn/học kỳ). Có sự phối hợp tốt giữa phòng KT&ĐBCL với các đơn vị liên quan đến công tác tổ chức thi.

Có thể khoán kinh phí cho phòng dựa trên học phí sinh viên có tham dự kỳ thi để tiết kiệm văn phòng phẩm, nguyên vật liệu... phục vụ các kì thi.

4.2. Quản lý công tác ĐBCL

Xây dựng mô hình hệ thống ĐBCL bên trong tại HUFI. Hệ thống này đảm bảo có sự tham gia của một thành viên trong Ban Giám hiệu, Bộ phận ĐBCL chuyên trách và các Tổ ĐBCL (hoặc thành viên phụ trách chất lượng đối với các phòng chức năng thực hiện nhiệm vụ tham mưu) tại các đơn vị. Nội dung hoạt động của hệ thống này bao gồm QLCL (Quality Management - QM), ĐBCL (Quality Assurance - QA) bao hàm KĐCL trường và chương trình, khảo sát chất lượng (Quality Survey - QS) và phân tầng xếp hạng (Stratification and Ranking - SR). Vấn đề cấp thiết là bổ sung thêm nhiệm vụ và quyền hạn về ĐBCL của các đơn vị và Phòng KT&ĐBCL phải xây dựng đề án khả thi cho việc triển khai xây dựng và vận hành hệ thống này.



Hình 5. Mô hình ĐBCL bên trong tại HIFI

Đối với các Khoa đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn AUN-QA. Còn đối với các phòng chức năng hoặc các đơn vị phục vụ và dịch vụ có thể duy trì hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc xây dựng hệ thống thông tin quản lý dựa trên nền tảng công nghệ thông tin, đảm bảo vận hành thông suốt.

Xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển chất lượng giai đoạn 2015 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025, trong đó nền tảng là hình thành văn hóa tổ chức tại HUFU với các giá trị cốt lõi phải được xác định rõ ràng.

5. KẾT LUẬN

Trong giai đoạn 2005 - 2015, HUFU đã áp dụng thành công bước đầu các văn bản quy phạm pháp luật coi trọng chất lượng là đáp ứng các tiêu chuẩn. Đây là thực tiễn sinh động góp phần khẳng định tính đúng đắn của tinh thần Nghị quyết 29 và đặt nền móng để triển khai có hiệu quả Quyết định số 901/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Phòng KT&ĐBCL trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, tuy đã có những thành quả đáng kể góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, duy trì việc đánh giá độc lập với giảng dạy và kiên trì xây dựng hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn Việt Nam và thế giới, song đứng trước đòi hỏi, kỳ vọng ngày càng cao của xã hội và sự yêu cầu ngày càng khắc khe của các bên liên quan, Phòng cũng nhận thấy nhiều vấn đề cần đầu tư chiều sâu, cải tiến liên tục và đổi mới. Việc đề xuất một số giải pháp liên quan đến quản lý công tác KT&ĐBCL nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của HUFU trong giai đoạn 2015 - 2017 đã tập trung vào hệ thống với mong muốn tiếp tục góp phần cùng với nhà trường đưa HUFU trở thành thương hiệu “Uy tín - Chất lượng - Phát triển - Hội nhập”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nghị quyết số 37/2004/QH11 của Quốc hội khoá XI;
- [2]. Nghị quyết số 77/NQ-CP của Chính phủ, ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2014 về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014 – 2017;
- [3]. Quyết định số 901/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ban hành ngày 23 tháng 06 năm 2015 về việc Phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2015 - 2017;
- [4]. Báo cáo tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục Trường đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh, 2015.